

TRONG SỐ NÀY:

**Tổng kết 15 năm ngành Nông nghiệp và PTNT thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị
Nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong lĩnh vực phi nông nghiệp
Thách thức và tiềm năng chăn nuôi bò sữa và sản phẩm sữa của Việt Nam
Nghị quyết 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng 4.0
Phát triển doanh nghiệp công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam
Thương mại nông sản 9 tháng 2019**

TỔNG KẾT 15 NĂM NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 37-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ



Sau 15 năm thực hiện, Nghị quyết 37-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020 đã làm thay đổi căn bản đời sống kinh tế - xã hội vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (TDMNBB). Đồng chí Nguyễn Hồng Sơn, Phó Trưởng ban Kinh tế TW, Tổ trưởng Tổ biên tập tổng kết Nghị quyết 37 đã đánh giá cao những kết quả đạt được của ngành nông nghiệp trên địa bàn và khẳng định: Trong nhiều năm tới, nông nghiệp vẫn tiếp tục đóng vai trò trụ đỡ cho nền kinh tế của vùng, là nguồn việc và thu nhập chính của đa số dân cư trong vùng; đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT cần làm rõ nguyên nhân các hạn chế, từ đó đề xuất những cơ chế, chính sách mới.

Theo Thứ trưởng Lê Quốc Doanh, nhìn lại 15 năm thực hiện NQ, TDMNBB đã hình thành và phát triển các vùng chuyên canh tập trung, chiếm tỷ trọng khá so với toàn quốc như như cây chè (65,7%), cây ăn quả (23%); chăn nuôi trâu, bò. Tỷ lệ che phủ rừng tăng từ 44% năm 2004 lên 54,6% năm 2018, đưa vùng này trở thành vùng trọng điểm về lâm nghiệp của cả nước. Tuy vậy, nông nghiệp, nông thôn vùng TDMNBB còn tồn tại khá nhiều hạn chế. Việc cơ cấu lại

ngành Nông nghiệp và đổi mới mô hình sản xuất trong nông nghiệp còn chậm, hiệu quả thấp. Các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị nông sản giữa doanh nghiệp và nông dân chưa nhiều... Sản xuất hàng hóa nông nghiệp vẫn ở hình thức nhỏ lẻ, manh mún, do đó giá trị sản xuất, lợi thế cạnh tranh, thu nhập của người dân còn thấp. Tỷ lệ đạt tiêu chí nông thôn mới đều thấp hơn so với bình quân chung cả nước... Nguyên nhân do vùng TDMNBB có điều kiện tự nhiên, địa hình phức tạp, nhiều khu vực bị chia cắt bởi đồi núi, sông suối nên việc đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng rất khó khăn, suất đầu tư lớn, nhất là khu vực miền núi, nên hiệu quả đầu tư chưa cao. Cùng với đó, cơ sở hạ tầng giao thông, đặc biệt giao thông kết nối giữa các địa phương, kết nối trong vùng còn khó khăn. Song song đó, xuất phát điểm về kinh tế - xã hội rất thấp...

Mục tiêu phát triển đối với vùng TDMNBB đến năm 2030 là tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp và thủy sản) đạt trung bình khoảng 3,5%/năm giai đoạn 2021 - 2030. Do đó thời gian tới, vùng tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển cây trồng, vật nuôi lợi thế của vùng, nâng cao giá trị gia tăng phát triển bền vững; tăng cường hợp tác, liên kết trong sản xuất - chế biến - tiêu thụ; nâng cao chất lượng và quy mô xây dựng nông thôn mới... Thay mặt Bộ Nông nghiệp và PTNT, Thứ trưởng Lê Quốc Doanh đã tổng kết và tiếp thu ý kiến của các đại biểu. Để có được sự thành công của Nghị quyết 37, cần phát huy vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách của Nhà nước để phát huy tối đa lợi thế, tiềm năng của từng địa phương. Với những khó khăn đặc thù, vùng Trung du miền núi Bắc Bộ rất cần được ưu tiên nguồn lực và có những cơ chế chính sách phù hợp để thu hẹp khoảng cách với các vùng khác.



Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW, kinh tế tập thể (KTTT) tiếp tục phát triển về số lượng, quy mô, chất lượng, mang lại hiệu quả thiết thực cho thành viên, đóng góp ngày càng tích cực cho phát triển kinh tế, an sinh xã hội, ổn định chính trị cơ sở, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

Liên minh Hợp tác xã (HTX) Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2030, số lượng các loại hình KTTT trong lĩnh vực phi nông nghiệp tăng từ 8-15%/năm, thu hút 8 triệu thành viên và tạo việc làm cho 4,5 triệu lao động thường xuyên.

Khác với các HTX nông nghiệp, tổ chức sản xuất của HTX phi nông nghiệp tương đối đa dạng, linh hoạt, sản xuất tập trung kết hợp phân tán. HTX cung ứng phần lớn dịch vụ đầu vào và toàn bộ đầu ra cho thành viên. Nhiều mô hình KTTT trong khu vực phi nông nghiệp hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, kinh tế tập thể, HTX nói chung và HTX phi nông nghiệp nói riêng vẫn phát triển chưa tương xứng tiềm năng.

Bên cạnh những tồn tại, khó khăn của khu vực kinh tế tập thể, HTX, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ cũng nhấn mạnh thêm một số điểm cần có các giải pháp căn cơ, lâu

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TRONG LĨNH VỰC PHI NÔNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030

dài để khắc phục những tồn tại, hạn chế, vượt qua thách thức. Cụ thể, việc đánh giá hiệu quả khu vực HTX phi nông nghiệp chưa dựa trên quan điểm toàn diện về kinh tế, chính trị và xã hội; chưa quan tâm đúng mức HTX phi nông nghiệp theo quy định của Luật HTX như chính sách ưu đãi về thuế, tiền sử dụng đất và lệ phí đăng ký HTX. Các bộ, ngành và địa phương cũng chưa có chính sách thu hút cán bộ quản lý, khoa học, kỹ thuật về công tác tại các HTX phi nông nghiệp; chưa khuyến khích người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc...

Do đó, để khắc phục những khó khăn, hạn chế và đạt được các mục tiêu đặt ra, KTTT, HTX nói chung và trong lĩnh vực phi nông nghiệp nói riêng cần phải tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động. Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ đề nghị các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hiện có; rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các chính sách mới phù hợp thực tế, khuyến khích hỗ trợ phát triển HTX. Liên minh HTX Việt Nam cần tiếp thu các ý kiến tại hội nghị, hoàn thiện báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13 trong lĩnh vực phi nông nghiệp, báo cáo Ban Chỉ đạo tại Hội nghị tổng kết toàn quốc vào cuối năm 2019. Trong đó, nghiên cứu, đề xuất bổ sung nội dung phát triển KTTT, HTX trong Nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ tới; nghiên cứu bố trí nguồn vốn đầu tư, phát triển KTTT, tiếp tục nghiên cứu, rà soát và đề xuất sửa đổi Luật HTX năm 2012; đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển HTX, giai đoạn 2015-2020, xây dựng Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn tiếp theo...

THÁCH THỨC VÀ TIỀM NĂNG CHĂN NUÔI BÒ SỮA VÀ SẢN PHẨM SỮA CỦA VIỆT NAM

Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa cũng là một trong những lĩnh vực có tiềm năng thu hút đầu tư lớn nhất của ngành nông nghiệp. Sữa và các sản phẩm sữa của Việt Nam được người tiêu dùng trong nước và nhiều nước trong khu vực tin dùng, nhất là thị trường Trung Quốc và các nước Trung Đông. Nhằm tạo cơ hội trao đổi thông tin, phát triển, đặc biệt là ngành chăn nuôi bò sữa thông qua phương thức 'Đối tác - hợp tác Công tư (PPP), Bộ Nông nghiệp & PTNT tổ chức Diễn đàn Tâm nhìn và Đối thoại PPP ngành Hàng Chăn nuôi: THÁCH THỨC VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ SỮA VÀ SẢN PHẨM SỮA. 'Thách thức và tiềm năng phát triển chăn nuôi bò sữa và sản phẩm sữa'.

Phát biểu tại Diễn đàn Thứ trưởng Phùng Đức Tiến cho biết, năm 2018, tổng doanh thu toàn ngành sữa đạt 109.000 tỷ đồng (khoảng 4.781 triệu USD). Việt Nam đã vươn lên đứng thứ 6 châu Á về sản lượng sữa và đứng thứ 4 về năng suất của đàn bò vắt sữa. Nhiều chuỗi liên kết khép kín từ sản xuất tới tiêu dùng trong chăn nuôi bò sữa đã được hình thành và phát



Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT Phùng Đức Tiến (thứ 2 từ trái sang) chủ trì diễn đàn

triển hiệu quả. Tỷ lệ liên kết chuỗi trong chăn nuôi bò sữa chiếm gần 100%, cao nhất trong sản xuất nông nghiệp hiện nay. Trong 8 tháng đầu năm 2019, sản lượng sữa sản xuất trong nước tiếp tục tăng trưởng khả quan, trong đó sản phẩm sữa tăng trưởng tốt hơn

sản phẩm sữa bột. Chỉ số sản xuất của ngành chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2018.

Ngành chăn nuôi, đặc biệt là ngành sữa có nhiều tiềm năng và cơ hội phát triển do nhu cầu tiêu dùng trong nước về sản phẩm chăn nuôi ngày càng tăng (dân số Việt Nam từ 95 triệu dân năm 2019 lên khoảng 100 triệu dân vào năm 2025). Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, tạo ra những cơ hội cho ngành chăn nuôi tiếp cận công nghệ giống mới, sản phẩm mới, phương thức tổ chức sản xuất và quản lý tiên tiến. Các Hiệp định song phương, đa phương, Hiệp định thương mại tự do có tác động mạnh đến khả năng sản xuất và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi. Luật Chăn nuôi và các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật có hiệu lực từ năm 2020, sẽ tạo ra hành lang pháp lý thông thoáng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, người dân sản xuất, kinh doanh hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, khó khăn và thách thức đang hạn chế tiềm năng phát triển của ngành: (i) Việt Nam hiện có 10 triệu hộ chăn nuôi nhỏ lẻ cung ứng một nửa sản lượng thịt tiêu thụ trong cả nước, hàng năm Việt Nam vẫn phải nhập khẩu một lượng thịt, sữa và sản phẩm sữa khá cao để phục vụ tiêu dùng trong nước; (ii) năng suất chăn nuôi trong nước có xu hướng giảm, giá thành vẫn còn cao; (iii) chăn nuôi với quy mô nhỏ lẻ, phân tán còn chiếm tỷ lệ cao, ảnh hưởng không nhỏ tới việc áp dụng công nghệ tiên tiến trong chăn nuôi và công tác kiểm soát dịch bệnh và an toàn thực phẩm; (iv) giá trị xuất khẩu thấp khiến ngành chăn

nuôi thiếu đi động lực để phát triển.

Tại Diễn đàn, các đại biểu đã cùng nhau bàn thảo tình hình ngành chăn nuôi bò sữa và định hướng phát triển đến năm 2030; đánh giá tác động của các hiệp định thương mại đặc biệt là CPTPP và EVFTA đến ngành hàng sữa; dự báo tiềm năng thị trường sữa và sản phẩm sữa trong những năm tới; vai trò của chăn nuôi bò sữa nông hộ trong bối cảnh mới và một số giải pháp phát triển bền vững; chia sẻ kinh nghiệm phát triển các mô hình chuỗi giá trị của ngành hàng bò sữa và sản xuất sữa của các Doanh nghiệp tiêu biểu; đối thoại thách thức phát triển chuỗi chăn nuôi bò sữa - Vai trò của Chính phủ, nông dân, tổ chức xã hội và doanh nghiệp.

Để thúc đẩy ngành chăn nuôi bò sữa và sản phẩm sữa Việt tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức, các chuyên gia cho rằng, cần đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành chăn nuôi, và cần chuyển dần chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi theo quy mô trang trại, công nghiệp, phù hợp với thực tế địa phương. Phát triển chăn nuôi gắn với chế biến đa dạng hóa, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm chăn nuôi, hình thành và phát triển ngành công nghiệp chế biến, đáp ứng nhu cầu thực phẩm và nguyên liệu cho công nghiệp.

Thứ trưởng Phùng Đức Tiến khẳng định, Bộ Nông nghiệp &PTNT cam kết đẩy mạnh các hoạt động đối thoại với các với doanh nghiệp để nắm bắt những vấn đề phát sinh trong thực tiễn thực hiện chính sách, để qua đó tháo gỡ khó khăn và hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là ngành chăn nuôi.

NHÓM ĐỐI TÁC CÔNG - TƯ (PPP) NGÀNH HÀNG CHĂN NUÔI: THÚC ĐẨY NGÀNH CHĂN NUÔI VIỆT NAM TĂNG TRƯỞNG THEO HƯỚNG BỀN VỮNG VÀ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Chiều 24/9/2019, Bộ Nông nghiệp &PTNT tổ chức lễ ra mắt nhóm công tác Đối tác công - tư (PPP) ngành hàng chăn nuôi với mục tiêu là thành lập các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi. Nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi và đảm bảo an toàn thực phẩm, tăng sức cạnh tranh so với các sản phẩm nhập khẩu, nâng cao năng lực sản xuất và kết nối tiêu thụ sản phẩm, cải thiện thu nhập cho cơ sở chăn nuôi. Có vai trò tham mưu, đề xuất cho Bộ Nông nghiệp &PTNT trong hoạch định chính sách, huy động và kết nối các đối tác xây dựng và phát triển ngành chăn nuôi an toàn.

Nhóm công tác PPP ngành hàng chăn nuôi được thành lập theo Quyết định số 1322/QĐ/BNN-HTQT ngày 22/4/2019 của Bộ NN&PTNT. Thành viên của nhóm gồm khối công (Cục Chăn nuôi, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia) và khối tư (một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi). Nhóm bao gồm 4 tiểu nhóm: Lợn (heo), bò sữa, gia cầm và thức ăn chăn nuôi.

Sau khi thành lập, trong năm 2019, nhóm công tác PPP ngành hàng chăn nuôi sẽ tổ chức, xây dựng thể chế các tiểu nhóm công tác. Xây dựng thí điểm mô hình hợp tác Công - Tư trong chăn nuôi bò sữa. Thành lập nhóm hỗ trợ kỹ thuật. Đồng thời, xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và tài liệu tập huấn đào tạo, nâng cao năng lực cho

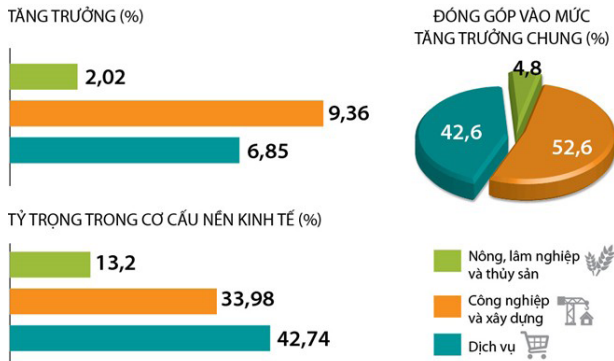


Lễ ra mắt nhóm công tác PPP ngành hàng chăn nuôi

các tác nhân tham gia.

Sự hợp tác chặt chẽ theo hình thức đối tác công - tư được kỳ vọng sẽ giúp ngành chăn nuôi Việt Nam tăng trưởng theo hướng bền vững và thân thiện với môi trường. Đại diện Bộ NN&PTNT cho biết, sẽ đẩy mạnh các hoạt động đối thoại với các với doanh nghiệp để nắm bắt những vấn đề phát sinh trong thực tiễn thực hiện chính sách. Qua đó, tháo gỡ khó khăn và hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là ngành chăn nuôi.

TĂNG TRƯỞNG CỦA CÁC KHU VỰC KINH TẾ 9 THÁNG NĂM 2019



Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9/2019, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nêu rõ: GDP 9 tháng tăng 6,98%, mức tăng cao nhất trong vòng 9 năm qua. Lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở mức thấp, bình quân 9 tháng tăng 2,5%, mức tăng thấp nhất trong 3 năm qua. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 10,3%, đặc biệt khu vực ngoài Nhà nước chiếm tỷ trọng 45,3%, tăng 16,9%. Vốn FDI thực hiện cao nhất trong nhiều năm trở lại đây, ước đạt 14,2 tỷ USD, tăng 7,3%. Thu ngân sách Nhà nước tăng cao (10,1%), bội chi còn 3,4% GDP, nợ công còn dưới 57% GDP.

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

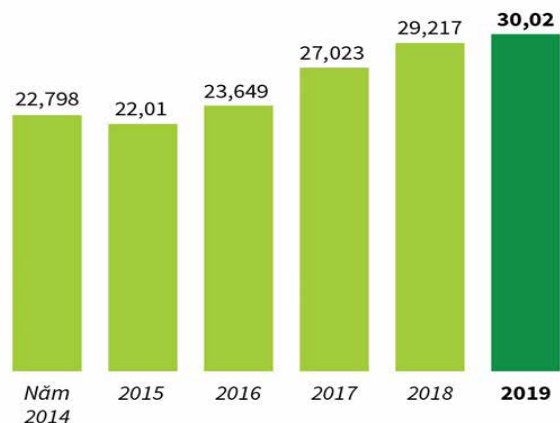
Theo Tổng cục Thống kê, 9 tháng năm 2019, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,36%, đóng góp 52,6%, trong khi dịch vụ tăng 6,85%, đóng góp 42,6% còn nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,02%, thấp hơn so với cùng kỳ.

Nông nghiệp mặc dù gặp khó khăn như dịch tả lợn châu Phi, hạn hán, biến đổi khí hậu nhưng đã tập trung cơ cấu lại nội ngành theo hướng hiệu quả hơn. Chăn nuôi gia cầm, thủy sản tăng mạnh, nên cả ngành vẫn đạt mức tăng trên 2%.

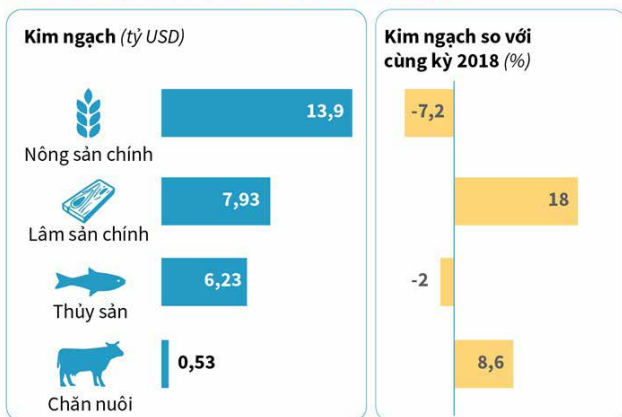
XUẤT KHẨU NGÀNH NÔNG NGHIỆP 9 THÁNG ĐẠT 30 TỶ USD

Theo Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản (gọi chung là ngành nông nghiệp) tháng 9/2019 ước đạt 3,5 tỷ USD. Lũy kế 9 tháng năm 2019, tổng kim ngạch ngành nông nghiệp đạt 30,02 tỷ USD, tăng 2,7% cùng kỳ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông sản chính đạt 13,9 tỷ USD, giảm 7,2%; nhóm thủy sản giảm 2%; nhóm lâm sản tăng 18% so với cùng kỳ năm 2018.

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU 9 THÁNG (tỷ USD)



XUẤT KHẨU CÁC MẶT HÀNG CHÍNH 9 THÁNG NĂM 2019



Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Trong 9 tháng, 5 thị trường lớn nhất của ngành nông nghiệp nước ta gồm: Trung Quốc chiếm 21,5%; Mỹ chiếm 21,2%; EU chiếm 11,9%; ASEAN chiếm 9,6% và Nhật Bản chiếm 8,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành. Ở chiều ngược lại, tổng giá trị nhập khẩu toàn ngành đạt 23,16 tỷ USD, giảm 0,7% so với cùng kỳ. Như vậy, thặng dư thương mại của toàn ngành 9 tháng đạt gần 7 tỷ USD.

Kim ngạch gạo và nhiều nông sản sụt giảm

Trong tháng 9/2019, cả nước xuất khẩu 586 nghìn tấn gạo, thu về 251 triệu USD. Lũy kế 9 tháng, xuất khẩu gạo ước đạt 5,2 triệu tấn và 2,24 tỷ USD; tăng 5,9% về lượng nhưng giảm 9,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Philippines đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam chiếm 36,1% thị phần, tăng gấp 2,9 lần về lượng và gấp 2,6 lần về giá trị so với cùng kỳ năm 2018.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu gạo tăng mạnh vào các thị trường: Úc tăng 75,2%; Bờ Biển Ngà tăng 57,1%; Iraq tăng 34,8%; Hồng Kông (Trung Quốc) tăng 34,7%; Tanzania tăng 34,1% và Ả rập xê út tăng 27%. Giá gạo xuất khẩu bình quân 3 quý đầu năm 2019 đạt 435 USD/tấn, giảm 13,8% so với cùng kỳ, do nhu cầu tiêu thụ ảm đạm nên giữ giá gạo Việt Nam ở mức thấp gần 12 năm qua.



Xuất khẩu rau quả tháng 9/2019 ước đạt 295 triệu USD, đưa kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này 9 tháng lên 2,84 tỷ USD, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm 2018. Trung Quốc vẫn đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam với 73,6% thị phần và giảm 10,1% so với cùng kỳ năm 2018.

Kim ngạch rau quả giảm là do giá trị xuất khẩu một số mặt hàng rau quả chính giảm mạnh như nhãn giảm 43%; sầu riêng giảm 20,2%; dứa giảm 30,8%; dưa hấu giảm 26,3%; chôm chôm giảm 7,3%; mận nhĩ giảm 49,4%; nấm hương giảm 46,6%; ớt giảm 44,8%; khoai lang giảm 39,5%.

Ở mặt hàng cà phê, xuất khẩu tháng 9/2019 ước đạt 81 nghìn tấn với kim ngạch đạt 143 triệu USD; lũy kế 3 quý ước đạt 1,25 triệu tấn và 2,15 tỷ USD, giảm 13,3% về lượng và giảm 21,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Đức và Mỹ tiếp tục duy trì vị trí hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt, với thị phần lần lượt chiếm 13,5% và 8,8%.

Giá cà phê xuất khẩu bình quân đạt 1.709 USD/tấn, giảm 10,7% so với cùng kỳ năm 2018. Giá giảm chính là yếu tố dẫn đến suy giảm xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang hầu hết các thị trường truyền thống. Dự báo từ nay đến cuối năm, giá cà phê có dấu hiệu khởi sắc hơn do nguồn cung cà phê của Việt Nam giảm và tồn kho thấp.



Với mặt hàng tiêu, xuất khẩu tháng 9/2019 ước đạt 14 nghìn tấn và kim ngạch đạt 34 triệu USD; đưa kết quả xuất khẩu 9 tháng lên 232 nghìn tấn và 590 triệu USD, tăng 21,8% về lượng nhưng giảm 7% về kim ngạch so với cùng kỳ. Giá tiêu xuất khẩu bình quân đạt 2.547 USD/tấn, giảm đến 23,5% so với cùng kỳ. Hiện Mỹ vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của hồ tiêu Việt Nam, chiếm 18,1% thị phần; tăng 16% về lượng nhưng giảm 10,3% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong tháng 9/2019, xuất khẩu điều nhân ước đạt 42 nghìn tấn với kim ngạch 290 triệu USD. Lũy kế 3 quý, xuất khẩu hạt điều đạt 328 nghìn tấn và 2,4 tỷ USD, tăng 20,9% về lượng nhưng giảm 5,5% về giá trị so với cùng kỳ.



Dự báo, xuất khẩu thủy sản 3 tháng cuối năm có thể khó đạt mức tăng trưởng cao như cùng kỳ năm 2018 do thủy sản Việt Nam phải chịu cạnh tranh gay gắt cả về giá và chất lượng. Nguyên nhân do công nghệ nuôi trồng thủy sản của các nước phát triển khá mạnh, Trung Quốc, Malaysia bắt đầu nuôi cá tra; Thái Lan, Ấn

Độ ngày càng kiểm soát tốt bệnh trong nuôi tôm và trúng mùa.

Ngoài ra, ảnh hưởng của tăng trưởng kinh tế thế giới 2019 dự báo giảm và các nước có xu hướng quay lại tập trung đầu tư cho phát triển nông nghiệp cũng tác động không nhỏ đến giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam 3 tháng cuối năm và cả năm 2019.

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 9/2019 ước đạt 733 triệu USD. Lũy kế 3 quý, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 6,23 tỷ USD, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2018.

Nhật Bản, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam, chiếm 56,8% tổng giá trị kim ngạch thủy sản. Các thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh là Đài Loan tăng 13,1%, Trung Quốc tăng 11,2% và Mexico tăng 10,6%.

Giá trị xuất khẩu lâm sản 9 tháng đầu năm đạt 7,932 tỷ USD, tăng 18,1% so với cùng kỳ 2018. Xuất khẩu cao su 9 tháng ước đạt 1,12 triệu tấn với kim ngạch đạt 1,53 tỷ USD, tăng 8,9% về lượng và tăng 7,3% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2018.



Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 9/2019 tiếp tục đạt kết quả ấn tượng với kim ngạch 67 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu nhóm hàng này 9 tháng đạt 529 triệu USD, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2018.

NGHỊ QUYẾT 52-NQ/TW VỀ MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CHỦ ĐỘNG THAM GIA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

Ngày 27/9/2019, Tổng bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng vừa ký ban hành nghị quyết 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Theo đó, cuộc Cách mạng công nghiệp này mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức, tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống, kinh tế, xã hội đất nước.

Tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 là tất yếu



khách quan, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng vừa cấp bách, vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội và là cơ hội để Việt Nam bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội. Bộ Chính trị đặt mục tiêu phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi của người dân. Cụ thể:

- Đến năm 2025, Việt Nam phải xây dựng được hạ tầng số đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN; Internet băng thông rộng phủ 100% các xã. Kinh tế số chiếm khoảng 20% GDP; năng suất lao động tăng bình quân trên 7%/năm. Có ít nhất 3 đô thị thông minh tại 3 vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung.
- Đến năm 2030 sẽ có mạng di động 5G phủ sóng toàn quốc; mọi người dân được truy cập Internet băng thông rộng với chi phí thấp. Kinh tế số chiếm trên 30% GDP; năng suất lao động tăng bình quân khoảng

7,5%/năm. Hoàn thành xây dựng chính phủ số và hình thành một số chuỗi đô thị thông minh tại các khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung.

- Đến năm 2045, Việt Nam trở thành một trong những trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo thuộc nhóm dẫn đầu khu vực châu Á; có năng suất lao động cao, có đủ năng lực làm chủ và áp dụng công nghệ hiện đại trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh.

PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

Hội nghị 'Phát triển doanh nghiệp công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam' do Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Nông nghiệp &PTNT, Bộ Công Thương, UBND tỉnh Lâm đồng tổ chức nhằm tăng cường hoạt động liên kết trong chuỗi cung ứng hàng Việt Nam, hỗ trợ gắn kết bền vững giữa nhà sản xuất và doanh nghiệp phân phối gắn với chuỗi hoạt động phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin thương hiệu Việt (ViBrand) của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Theo Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Phan Tâm cho biết, yêu cầu đặt ra đối với các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số cho nông nghiệp Việt Nam hiện nay là phải phù hợp với ngành nông nghiệp trong nước và đáp ứng nhu cầu thực tế của người nông dân. Bên cạnh đó, ngành nông nghiệp trong nước phải làm chủ công nghệ, không thể chỉ đóng vai người đi mua, tiêu dùng giải pháp công nghệ nước ngoài mãi.

Vì thế, vai trò của doanh nghiệp công nghệ trong thời điểm này hết sức quan trọng; các doanh nghiệp phải làm chủ công nghệ, đưa các sản phẩm, giải pháp công nghệ ra thị trường.



Phát triển doanh nghiệp công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam

Thứ trưởng Phan Tâm nhấn mạnh, việc ứng dụng công nghệ nhằm giúp cho nông nghiệp Việt Nam có bước phát triển đột phá là chủ trương lớn của Đảng và nhà nước và đây cũng xu thế chung của thế giới. Vai trò của công nghệ thông tin luôn là một trong nguồn lực quan trọng của sự nghiệp CNH-HĐH nông nghiệp và nông thôn, để hướng tới mục tiêu cuối cùng là nhằm nâng cao đời sống cho người dân. Đây cũng là thị trường rộng và mở, đầy tiềm năng với các doanh nghiệp công nghệ trong giai đoạn hiện nay.

RA MẮT HIỆP HỘI NÔNG NGHIỆP SỐ VIỆT NAM

Hiệp hội Nông nghiệp số Việt Nam sẽ thực hiện những nhiệm vụ như: hoàn thiện hạ tầng công nghệ cho nông nghiệp, kết nối quốc tế và mở rộng thị trường; tìm kiếm, chọn lọc công nghệ phù hợp cho từng mô hình canh tác, chế biến tại Việt Nam; thu hút đầu tư cho chế biến sâu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp số tại Việt Nam.

Hiệp hội đã quy tụ được những doanh nghiệp, doanh nhân có tâm huyết, trách nhiệm để hiện thực hóa mục tiêu, đưa nông nghiệp Việt Nam về đúng vị thế và tầm quan trọng của nó trong thời gian tới. Đặc biệt, mỗi thành viên đều đồng thuận với tuyên ngôn của Hiệp hội: "Giàu từ nông nghiệp".

Thay mặt Ban Vận động thành lập Hiệp hội Nông nghiệp số Việt Nam khóa I (2019 - 2024), ông Trương Gia Bình, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần FPT- Chủ tịch VIDA nhiệm kỳ 2019 - 2024, chia sẻ: Ngành nông nghiệp của Việt Nam đang chứng kiến những khởi sắc rõ rệt nhất với những triển vọng to lớn, hứa hẹn sẽ là một trong những ngành đạt được bứt phá trong tương lai.



Bộ trưởng Nông nghiệp &PTNT Nguyễn Xuân Cường phát biểu tại Đại hội ngày 29/9/2019 "Việc thành lập Hiệp hội Nông nghiệp số là hướng đi rất đúng đắn. Nếu chúng ta làm được sẽ tận dụng tối nhất yếu tố thời đại, kỹ năng quản trị, tố chất con người và khát vọng Việt Nam để khai thác hiệu quả tài nguyên quốc gia, tạo ra lợi thế cạnh tranh".

Hiệp hội dự kiến sẽ hỗ trợ phát triển những dự án quy mô lớn nhằm hiện đại hóa nền nông nghiệp Việt Nam, giới thiệu các trung tâm nông sản chất lượng cao trên thế giới, sàn giao dịch nông sản online kết nối toàn cầu, triển khai hệ thống đào tạo nghề nông nghiệp số cho Việt Nam và khu vực, các trung tâm chế biến và bảo quản nông sản tại các vùng...

HỢP TÁC QUỐC TẾ

VIỆT NAM VÀ CANADA TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM NÔNG SẢN

Chính phủ Canada đã hỗ trợ trực tiếp cho Bộ Nông nghiệp & PTNT Dự án “Xây dựng và kiểm soát chất lượng nông sản, thực phẩm” thực hiện từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2014 và hiện đang đề xuất giai đoạn II của dự án này nhằm tiếp tục hỗ trợ lĩnh vực an toàn thực phẩm (ATTP) của Việt Nam.

Dự án “Xây dựng và kiểm soát chất lượng nông sản, thực phẩm” nhằm hỗ trợ việc xây dựng và thực thi các quy định về ATTP được xây dựng trên cơ sở khoa học. Dự án cũng sẽ thu hút các nhà sản xuất (bao gồm các nông hộ nhỏ) và khu vực tư nhân để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp thông minh và thân thiện với môi trường, phát triển hệ thống truy xuất nguồn gốc bền vững. Đặc biệt, dự án hướng tới việc nâng cao nhận thức về ATTP cho người tiêu dùng và thúc đẩy thay đổi hành vi dẫn tới gia tăng nhu cầu tiêu thụ nông sản thực phẩm an toàn, giá cả phải chăng ở Việt Nam.

Thứ trưởng Phùng Đức Tiến khẳng định sự phù hợp giữa các mục tiêu của Dự án với các ưu tiên của Bộ Nông nghiệp & PTNT và Chính phủ Việt Nam về ATTP. Thứ trưởng đề nghị phía Canada sớm phối hợp với Vụ Hợp



Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT Phùng Đức Tiến và ông Tôm Bui – Giám đốc Chương trình Phát triển Việt Nam, In-đô-nê-xia và châu Á tại Canada bàn về công tác chuẩn bị cho Dự án “Xây dựng và kiểm soát chất lượng nông sản, thực phẩm” pha II.

tác quốc tế, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (NAFIQAD) và các cơ quan liên quan hoàn thiện dự thảo văn kiện dự án để hoàn tất thủ tục tiếp nhận viện trợ bên phía Việt Nam và ký Biên bản ghi nhớ MOU. Thứ trưởng cử NAFIQAD là đầu mối phía Việt Nam để phối hợp với phía Canada trong việc rà soát, cập nhật và hoàn thiện văn kiện dự án. Bộ Nông nghiệp & PTNT cam kết sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để triển khai dự án thành công.

DIỄN ĐÀN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG 4.0 VIỆT NAM-CHÂU ÂU

Sáng 19/9/2019, tại Hà Nội, Bộ Nông nghiệp & PTNT và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu (EuroCham) đã tổ chức Diễn đàn nông nghiệp bền vững Việt Nam - châu Âu với chủ đề “Nông nghiệp 4.0: Chia khóa tiếp cận thị trường châu Âu”.



Thứ trưởng Lê Quốc Doanh tham quan gian hàng trưng bày sản phẩm

Với mục tiêu đẩy mạnh xuất khẩu nông sản đã qua kiểm định chất lượng, an toàn và có thể truy nguyên từ Việt Nam sang thị trường châu Âu, diễn đàn được tổ chức

nhằm tạo tính tương tác cao, các góc nhìn đa dạng và bố trí song song với các khu trưng bày sản phẩm và các giải pháp về công nghệ trong nông nghiệp.

Liên minh châu Âu có tiêu chuẩn rất cao về nhập khẩu thực phẩm, vì vậy, việc các doanh nghiệp châu Âu và các nhà sản xuất Việt Nam kết hợp với nhau để học hỏi và giúp phát triển một ngành nông nghiệp hàng đầu thế giới tại Việt Nam với các sản phẩm an toàn, được chứng nhận là điều cần thiết.

Cũng tại diễn đàn, nhiều chuyên gia và đại diện các tổ chức quốc tế cho rằng, thế giới đang trải qua những chuyển đổi mạnh mẽ về công nghệ. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang tác động sâu sắc tới việc tạo ra năng lượng cho xã hội, sản xuất hàng hóa; cũng như cách mà con người sinh sống, làm việc và di chuyển. Ngành nông nghiệp nói chung và công nghiệp thực phẩm nói riêng của Việt Nam đang chịu khá nhiều áp lực liên tục để thích nghi và phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng ngày càng tăng và đòi hỏi tiêu chuẩn cao như thị trường châu Âu. Điều này đặt ra yêu cầu phải nâng cao vệ sinh, chất lượng và sự đa dạng cũng như thực thi tốt những cam kết về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và sử dụng tài nguyên một cách bền vững.

Văn phòng ISG, Phòng 102-104 - Nhà B4 Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
Tel: 04 37711 736 ❖ Email: isgmard@mard.gov.vn ❖ Website: www.isgmard.org.vn